

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin từ Tổng cục Thống kê, CPI bình quân 5 tháng tăng gần 1.2%, thấp nhất kể từ năm 2016 giúp giảm lo ngại về lạm phát tăng cao

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tiếp đà tăng điểm nhờ diễn biến tích cực của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HPG, HSG

[Cập nhật công ty]

GAS

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục ưu tiên tập trung cho các vị thế ngắn hạn, trái chốt lời một phần đối với các mã tăng vượt đỉnh đạt kỳ vọng và chỉ mua trading trở lại khi điều chỉnh về lại hỗ trợ nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức an toàn

31/05/2021

	Chi số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,328.05	+0.57
VN30	1,474.78	+1.10
HĐTL VN30F1M	1,479.50	+1.16
HNXIndex	317.85	+2.38
HNX30	493.56	+3.67
UPCoM	88.77	+3.09
USD/VND	23,048	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.27	-1
Lãi suất qua đêm (%)	1.32	+24
Dầu (WTI, \$)	67.06	+1.12
Vàng (LME, \$)	1,903.98	+0.01

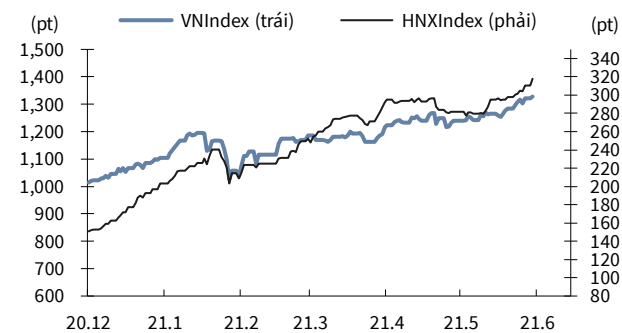


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,328.05 (+0.57%)
KLGD (triệu CP)	737.1 (+5.0%)
GTGD (triệu US\$)	1,104.6 (+2.6%)
HNXIndex	317.85 (+2.38%)
KLGD (triệu CP)	188.5 (+9.9%)
GTGD (triệu US\$)	189.1 (+9.3%)
UPCoM	88.77 (+3.09%)
KLGD (triệu CP)	124.8 (-23.5%)
GTGD (triệu US\$)	82.4 (+28.6%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-72.8

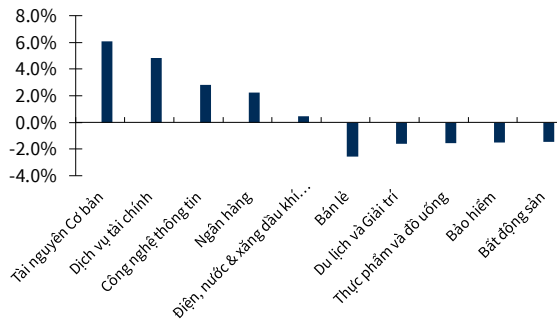
TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin từ Tổng cục Thống kê, CPI bình quân 5 tháng tăng gần 1.2%, thấp nhất kể từ 2016 giúp giảm lo ngại về lạm phát tăng cao. Thông tin trên tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm ngân hàng ở CTG (+3.7%), BID (+3.3%). Cũng theo Tổng cục Thống kê, Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 5 tăng 1.6% so với tháng trước và tăng gần 12% so với cùng kỳ năm trước, trong đó thép cán tăng 60% giúp cổ phiếu thép tăng giá ở HSG (+6.4%), NKG (+3.9%). Cổ phiếu Hòa Phát tăng trần HPG (+6.8%) sau khi Ủy ban Đầu tư Nước ngoài Liên bang Úc (FIRB) đã chấp thuận phê duyệt hợp đồng mua 100% cổ phần Dự án mỏ quặng sắt Roper Valley với trữ lượng ước tính đạt 320 triệu tấn. Cổ phiếu nhóm hàng không giảm giá VJC (-1.8%), HVN (-1.3%) sau khi Cục Hàng không Việt Nam thông báo dừng nhập cảnh hành khách tại sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất. Khối ngoại bán ròng mạnh ở HPG (+6.8%), MBB (+0.8%), VCB (-1.0%).

VNIndex & HNXIndex



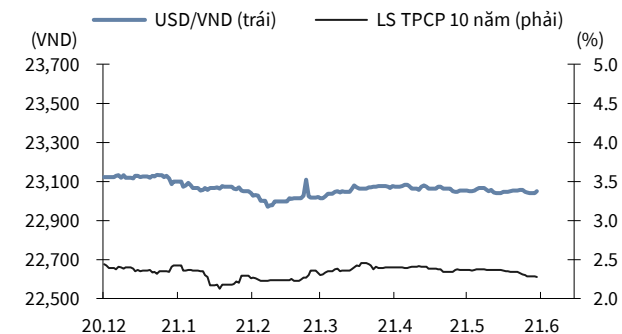
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



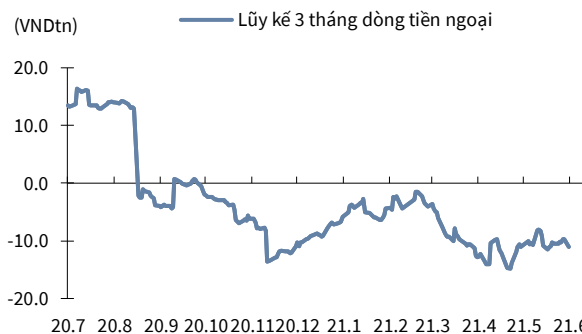
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



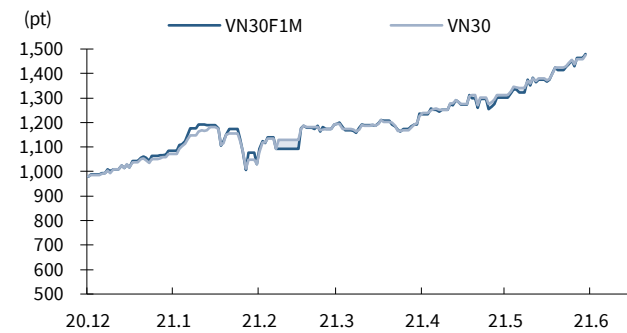
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,474.78 (+1.10%)
VN30F1M	1,479.5 (+1.16%)
Mở cửa	1,459.9
Cao nhất	1,480.8
Thấp nhất	1,443.0
KLGD (HĐ)	212,562 (+19.8%)

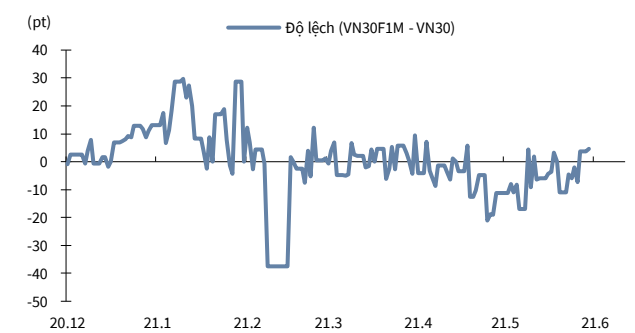
HĐTL tiếp đà tăng điểm nhờ diễn biến tích cực của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2106 và VN30 mở cửa ở mức 2.02 và giao động trong biên độ -6.4 và 5.06, đóng cửa ở mức 4.72. NĐTNN mua bán cân bằng trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

HĐTL VN30F1M & VN30



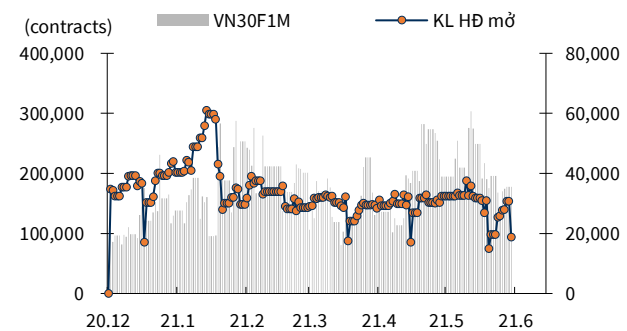
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



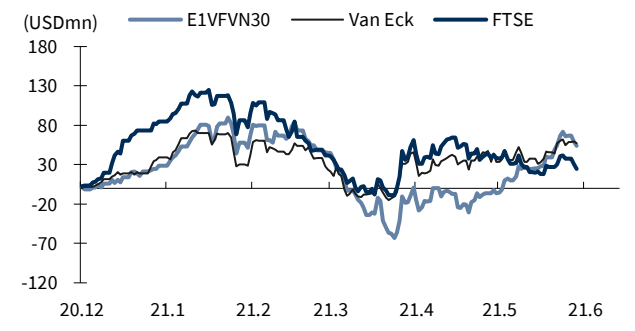
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

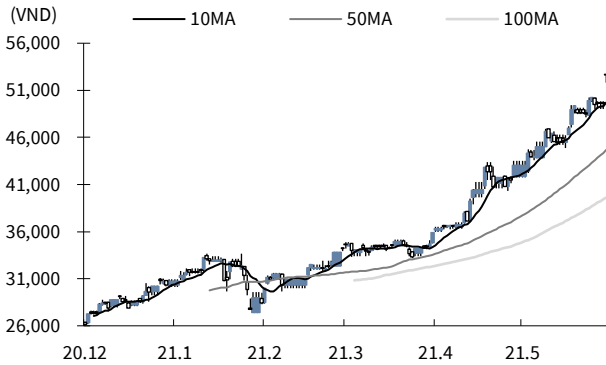
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

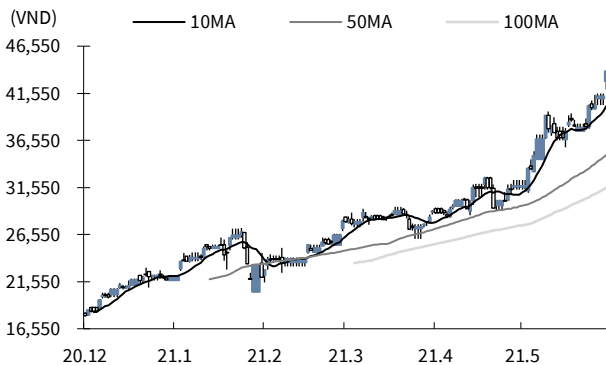
Hoà Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 6.8% lên 52,700 VNĐ/cp.
- HPG thông báo Ủy ban Đầu tư Nước ngoài Liên bang Úc (FIRB) đã chấp thuận phê duyệt hợp đồng mua 100% cổ phần Dự án mỏ quặng sắt Roper Valley của Công ty con tại Úc thuộc Tập đoàn Hòa Phát. Mỏ quặng sắt Roper Valley có trữ lượng ước tính đạt 320 triệu tấn và công suất khai thác 4 triệu tấn/năm.

Hoa Sen (HSG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HSG tăng 6.4% lên 43,900 VNĐ/cp.
- HSG thông báo sản lượng tiêu thụ tháng 4 đạt 216,390 tấn, tăng nhẹ so với tháng trước. Theo đó, lợi nhuận tháng 4 đạt 538 tỷ đồng (+7.4% MoM) và doanh thu 4,550 tỷ đồng (+0.6% MoM). Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), 4 tháng đầu năm, thị phần tôn mạ của HSG đạt 36.84% và ống thép đạt 20.2%.

31/05/2021

Chuyên viên phân tích

Lê Anh Tùng, CFA

tungla@kbsec.com.vn

Lợi nhuận Q1 2021 giảm khoảng 13% YoY và thấp hơn kì vọng

Kết quả kinh doanh của GAS trong Q1 2021 kém tích cực với doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ lần lượt đạt 17,571 tỷ đồng (+3% YoY) và 2,029 tỷ đồng (-13% YoY). Nguyên nhân chủ yếu đến từ nguồn cầu khí thấp do EVN gia tăng huy động từ nguồn thủy điện thay vì điện khí.

Triển vọng mảng khí khô vẫn tích cực nhờ nguồn cầu gia tăng cùng với mặt bằng giá dầu Brent ở mức cao

Chúng tôi vẫn lạc quan vào triển vọng tiêu thụ khí khô của GAS sẽ tích cực hơn kể từ Q2 2021 và vượt kế hoạch đề ra của công ty với những cơ sở đến từ (1) tăng trưởng kinh tế phục hồi và (2) hiện tượng La Nina dần biến mất. Bên cạnh đó, xu hướng tăng của giá dầu Brent trong năm 2021 cũng là yếu tố thuận lợi lớn tới tăng trưởng lợi nhuận mảng khí khô.

LNG - động lực tăng trưởng trong dài hạn

Việc nguồn cung khí nội địa hạn chế trong khi nhu cầu điện ngày càng cao khiến cho mảng cung cấp khí LNG của GAS có tiềm năng lớn. GAS hiện đang dẫn đầu và đóng vai trò là nhà đầu tư chính của 9/14 kho cảng LNG trong những năm tới. Theo GAS, dự án LNG Thị Vải đã vượt tiến độ xây dựng và có thể bắt đầu đi vào hoạt động trong năm 2022.

Duy trì khuyến nghị MUA với giá mục tiêu VND107,800

Dựa trên định giá P/E, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA (duy trì) đối với cổ phiếu GAS. Giá mục tiêu là VND 107,800/cp, cao hơn 32.3% so với giá tại ngày 28/05/2021.

Mua duy trì

Giá mục tiêu	VND 107,800
Tăng/Giảm (%)	32.3%
Giá hiện tại (28/05/2021)	82,000
Giá consensus	VND 103,038
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	156,944

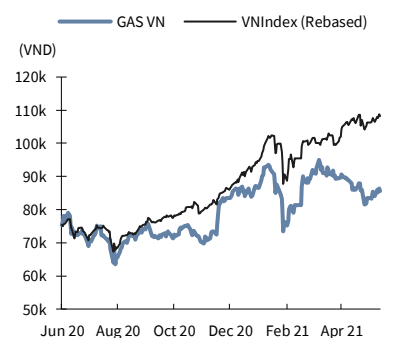
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ free-float (%)	4.2%
GTGD TB 3 tháng (triệu USD)	24.4
Room khối ngoại (%)	46.6%
Cơ cấu cổ đông	PetroVietnam (95.76%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	YTD	1M	3M	12M
GAS	-5.9%	-2.4%	-8.7%	+9.5%
VNIndex	+19.6%	+6.5%	+13.0%	+52.7%

Dự phóng KQKD & định giá

Nhãn tài chính	2019A	2020A	2021E	2022E
Doanh thu (tỷ VND)	75,005	64,135	77,291	81,442
EBIT	13,648	8,682	12,116	12,267
LN sau CĐTS	11,902	7,855	10,135	10,854
EPS (VND)	6,142	4,032	5,295	5,671
Thay đổi EPS (%)	3.9	-34.4	31.5	7.1
P/E (x)	15.3	21.5	20	16.3
EV/EBITDA (x)	9.4	12.7	8.9	8.1
P/B (x)	3.7	3.4	5.0	4.6
ROE (%)	25.1	15.9	19.2	18.5
Tỷ suất cổ tức (%)	6.8	4.7	2.9	4.8

Nguồn: Bloomberg, Báo cáo tài chính công ty, KB Securities Vietnam



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

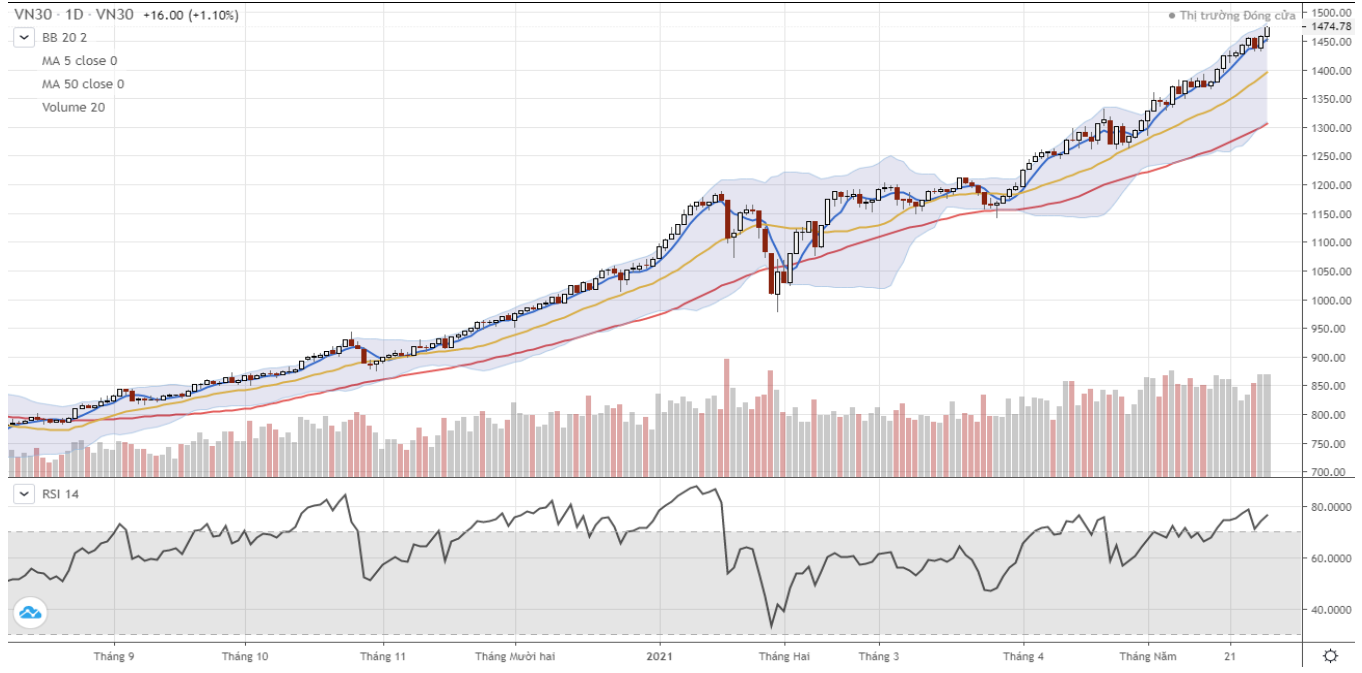
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex rung lắc khá mạnh trong nửa đầu phiên giao dịch trước khi dần phục hồi và mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Với xung lực tăng điểm vẫn đang được duy trì, chỉ số sẽ có cơ hội xác lập thêm các đỉnh cao mới trong những phiên tới. Mặc dù vậy, áp lực rung lắc ở những vùng giá cao sẽ tăng dần, đặc biệt là khi VNIndex tiếp cận vùng kháng cự tâm lý kế tiếp tại quanh 1.350.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục ưu tiên tập trung cho các vị thế ngắn hạn, trải chốt lời một phần đối với các mã tăng vượt đỉnh đạt kỳ vọng và chỉ mua trading trở lại khi điều chỉnh về lại hỗ trợ nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1490 - 1495

Kháng cự gần: 1481 - 1485

Hỗ trợ gần: 1474 - 1476

Hỗ trợ xa: 1466 - 1469

- F1 rung lắc khá mạnh trong nửa đầu phiên trước khi dần phục hồi và mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Với xung lực tăng điểm vẫn đang được duy trì, chỉ số sẽ có cơ hội xác lập thêm các đỉnh cao mới trong phiên kế tiếp. Mặc dù vậy, áp lực rung lắc ở những vùng giá cao sẽ tăng dần, đặc biệt là khi F1 tiếp cận vùng kháng cự tâm lý kế tiếp tại quanh 1.500.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở các vị thế LONG tại hỗ trợ nhưng cần linh hoạt chốt ngắn khi lên kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

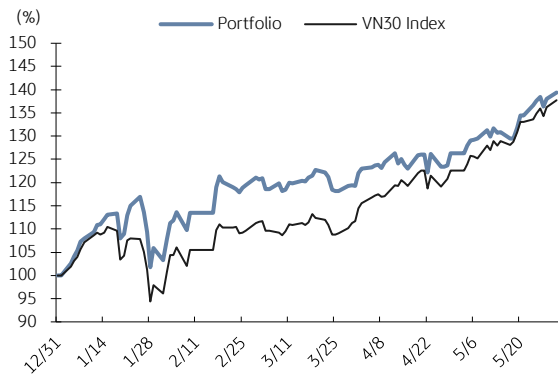
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.10%	1.03%
Tăng lũy kế (YTD)	37.73%	39.39%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 31/05/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	138,500	-2.9%	19.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	39,000	2.1%	59.5%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	100,900	-0.1%	31.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	38,000	0.8%	123.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	58,200	-1.9%	71.2%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	97,900	3.3%	192.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	53,100	3.7%	117.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	82,600	0.7%	12.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	52,700	6.0%	169.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	33,300	-1.5%	143.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLX	-0.4%	15.9%	133.4
NVL	-0.2%	7.8%	42.0
DXG	3.3%	32.8%	31.4
KDH	1.2%	30.6%	26.6
NKG	3.9%	15.1%	17.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	6.8%	29.0%	-709.3
MBB	0.8%	22.8%	-404.2
VCB	-1.0%	23.3%	-104.8
FUEVFNVD	0.4%	99.1%	-90.8
STB	6.1%	11.7%	-82.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
BVS	10.0%	9.5%	2.4
SHB	0.7%	4.0%	1.5
ART	9.3%	0.7%	0.7
NSC	-0.6%	6.9%	0.6
NBC	0.0%	5.1%	0.5

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	9.8%	8.8%	-10.7
VCS	-0.7%	4.1%	-8.8
APS	9.8%	7.3%	-4.6
VND	8.0%	21.1%	-4.0
IVS	9.3%	74.9%	-2.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	8.9%	HPG, HSG
Dịch vụ tài chính	8.4%	SSI, VCI
Ngân hàng	6.9%	BID, SSB
Công nghệ thông tin	4.1%	FPT, CMG
Hóa chất	3.2%	GVR, TSC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-5.1%	ADG, YEG
Bán lẻ	-3.2%	MWG, DGW
Du lịch và Giải trí	-3.0%	VJC, HVN
Ô tô và phụ tùng	-2.4%	TCH, DRC
Bất động sản	-2.4%	VIC, VHM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	23.4%	SSI, VCI
Tài nguyên Cơ bản	19.1%	HPG, HSG
Ngân hàng	17.6%	CTG, TCB
Công nghệ thông tin	16.1%	FPT, CMG
Dầu khí	10.8%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-14.7%	ADG, YEG
Du lịch và Giải trí	-8.3%	VJC, HVN
Bất động sản	-2.9%	VIC, VRE
Xây dựng và Vật Liệu	-2.0%	VGC, HT1
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.6%	GEG, PPC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	221,673 (9.6)	22.5	54.6	40.5	14.7	8.1	10.4	4.3	3.9	-1.9	-3.8	-	10.3	8.6
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	400,319 (17.4)	26.6	10.9	9.5	35.9	30.9	27.5	2.9	2.3	-1.9	-3.2	3.3	14.6	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	198,942 (8.6)	17.8	23.2	18.3	-7.6	9.4	11.0	2.1	1.9	-3.8	-4.7	-8.1	-6.4	
	NVL	NO VA LAND INVES	81,500	86,712 (3,768)	259,081 (11.2)	31.3	34.4	25.6	6.7	16.1	14.9	4.3	3.6	-0.2	-0.3	2.4	106.3	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	34,300	19,167 (833)	166,691 (7.2)	#VALUE!	18.6	13.8	18.0	14.5	17.1	2.5	2.1	1.2	5.3	12.2	34.6	
DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	236,500 (10.3)	13.9	12.1	10.9	-	17.8	16.1	-	-	3.3	7.5	19.4	75.5		
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	181,606 (7.9)	6.3	17.1	13.8	11.7	20.7	21.6	3.1	2.6	-1.0	1.2	-1.4	0.7	
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	209,204 (9.1)	12.7	21.5	17.7	-5.3	12.7	13.9	2.3	2.1	3.3	5.9	18.8	1.7	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	916,949 (39.8)	0.0	11.6	9.8	14.3	19.8	19.2	2.1	1.7	1.3	5.5	31.0	70.5	
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	927,693 (40.2)	1.4	11.6	10.6	61.1	19.7	19.7	1.9	1.7	3.7	3.7	30.1	53.7	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	2,202,684 (95.6)	0.0	13.5	11.5	18.8	19.3	17.3	2.3	1.9	0.9	3.7	18.3	112.9	
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	836,352 (36.3)	0.0	9.9	8.3	14.6	20.9	20.9	1.8	1.5	0.8	9.4	25.2	66.7	
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	246,706 (10.7)	4.2	10.2	8.5	23.3	19.2	19.0	-	-	2.9	6.5	24.0	42.3	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	1,239,988 (53.8)	14.0	26.4	19.1	26.5	11.0	11.6	-	-	6.1	17.0	41.4	100.0	
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	229,943 (10.0)	0.0	8.7	7.2	37.5	23.5	22.4	1.8	1.5	3.7	12.3	36.7	39.7	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	31,125 (1.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	2.8	25.9	19.5	70.4		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	47,472 (2.1)	21.0	23.2	20.0	15.2	8.3	9.3	1.9	1.8	-2.5	-0.4	-5.6	-18.0	
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	33,321 (1.4)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	7.0	11.8	29.6	18.0	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	561,336 (24.4)	55.4	19.8	18.5	-3.2	12.7	12.8	-	-	6.2	11.6	36.2	34.1	
	VCI	VIET CAPITAL SEC	55,000	9,108 (396)	163,346 (7.1)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	6.7	8.9	28.0	36.6	
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	206,651 (9.0)	52.4	18.8	-	-19.0	17.1	-	2.6	-	4.8	5.5	27.9	25.0	
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,500	5,734 (249)	207,080 (9.0)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	8.0	10.2	37.3	65.7	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	376,109 (16.3)	42.1	18.6	17.4	4.0	33.9	34.6	5.7	5.4	-0.7	-0.8	-3.2	-16.8	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	33,910 (1.5)	36.9	19.8	16.7	7.3	24.9	25.5	4.3	3.9	-3.7	1.0	-6.9	-20.3	
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	247,349 (10.7)	16.5	45.9	25.9	-51.9	13.5	18.9	6.3	5.1	-2.1	-1.7	12.3	23.8	
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	83,652 (3.6)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-0.9	-8.7	-27.8	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	54,970 (2.4)	11.0	53.3	18.8	-88.5	5.2	18.8	3.5	2.8	-1.8	-3.1	11.9	-12.0	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	117,492 (5.1)	10.8	22.0	15.9	-57.0	8.1	11.4	1.8	1.7	-1.7	-4.1	8.3	13.7	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	43,964 (1.9)	38.4	15.5	9.4	65.7	6.5	9.9	1.2	1.1	-1.2	-1.5	-2.2	-7.2	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	194,945 (8.5)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-2.2	-5.1	1.4	158.1	
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,600	10,411 (452)	122,637 (5.3)	37.7	9.6	14.4	-12.7	12.6	14.8	-	-	-1.1	1.3	-0.2	18.0	
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	30,389 (1.3)	3.6	14.7	13.1	-52.4	4.4	4.4	0.5	0.5	4.9	8.8	-3.4	-20.2	
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	41,552 (1.8)	0.0	9.9	8.3	-4.5	14.8	12.9	1.3	1.6	-1.9	-1.5	8.6	18.9	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	60,573 (2.6)	46.1	15.7	14.6	-17.5	20.2	20.3	3.0	2.8	0.7	0.7	-1.1	-4.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	6,418 (0.3)	31.4	-	-	-10.5	-	-	-	-	-0.8	-0.5	-9.9	-22.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	10,637 (0.5)	34.1	9.3	9.4	-5.1	12.2	13.4	1.2	1.2	0.0	-2.5	-	14.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,766,122 (76.6)	18.0	10.3	8.4	21.9	35.6	30.9	2.8	2.2	6.8	8.8	22.5	71.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	20,652 (0.9)	36.5	11.1	13.3	-0.5	9.2	7.2	0.9	0.9	-0.5	-0.3	-0.8	0.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	47,082 (2.0)	46.5	18.6	21.3	-4.5	8.7	7.0	1.4	-	-1.2	-5.1	5.0	20.0
	HSG	HOA SEN GROUP	24,900	11,063 (481)	571,292 (24.8)	38.9	6.8	8.3	67.9	38.0	24.1	2.2	1.8	6.4	15.5	38.3	98.2
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	63,279 (2.7)	97.2	10.0	9.0	17.2	10.3	11.0	0.9	0.9	-0.7	-2.2	-7.3	5.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	142,491 (6.2)	4.6	20.8	16.7	-51.0	16.5	17.3	2.9	2.8	-0.4	-3.0	8.5	0.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	117,822 (5.1)	39.9	44.6	18.9	-11.9	1.3	3.0	0.6	0.6	5.6	8.5	13.8	34.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	55,516 (2.4)	35.9	8.7	8.0	1.2	13.9	13.8	1.1	1.0	0.3	7.8	11.4	28.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	131,324 (5.7)	0.0	13.3	10.6	13.7	27.5	27.6	3.3	2.8	-2.9	-5.1	-1.7	16.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	43,882 (1.9)	0.0	17.5	13.8	2.4	24.9	23.3	3.7	3.0	-0.1	-1.0	3.0	24.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,621 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-2.2	-4.9	15.2	-55.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	25,022 (1.1)	30.3	19.1	13.1	-75.2	8.5	11.8	1.6	1.5	-0.8	-3.7	-7.8	-22.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	41,610 (1.8)	34.6	11.3	10.3	41.2	24.5	24.6	-	-	1.3	-0.4	2.1	-13.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,338 (0.1)	45.4	17.2	15.2	10.7	19.7	20.3	3.1	2.9	0.0	-0.9	-5.7	-9.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	196 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	-0.5	1.8	2.6
IT	FPT	FPT CORP	78,200	61,301 (2,664)	218,943 (9.5)	0.0	19.2	16.1	15.6	25.6	26.2	4.3	3.7	3.3	4.7	21.0	65.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.